

Số: 14/NQ-HĐND

Than Uyên, ngày 08 tháng 5 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ, bổ sung kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia, các chế độ chính sách, nhiệm vụ phát sinh và điều chỉnh dự toán năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN
KHÓA XXI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của HĐND huyện Than Uyên về việc phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 24/4/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phân bổ, bổ sung kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chế độ chính sách và nhiệm vụ phát sinh năm 2024;

Xét Tờ trình số 1465/TTr-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện đề nghị ban hành Nghị quyết phân bổ, bổ sung kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, các chế độ chính sách, nhiệm vụ phát sinh và điều chỉnh dự toán năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 70/BC-HĐND ngày 07/5/2024 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ, bổ sung kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia, các chế độ chính sách, nhiệm vụ phát sinh và điều chỉnh dự toán năm 2024

1. Tổng kinh phí bổ sung: **43.904.582.000** đồng (Bốn mươi ba tỷ, chín trăm linh bốn triệu, năm trăm tám mươi hai nghìn đồng chẵn).

1.1. Nguồn kinh phí tại Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 24/4/2024

của UBND tỉnh Lai Châu về việc phân bổ, bổ sung kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chế độ chính sách và nhiệm vụ phát sinh năm 2024: 42.042.537.000 đồng, gồm:

- Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 30.398.000.000 đồng.

- Kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 10.336.000.000 đồng.

- Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP đợt 1 năm 2024: 1.308.537.000 đồng.

(Chi tiết tại phụ biểu số 02-04 kèm theo)

1.2. Nguồn kinh phí tăng thu tiết kiệm chi ngân sách năm 2023 chuyển nguồn sang năm 2024 huyện Than Uyên: 1.862.045.000 đồng.

- Kinh phí Đại hội thi đua quyết thắng Lực lượng vũ trang huyện Than Uyên giai đoạn 2019 - 2024: 200.000.000 đồng.

- Kinh phí thực hiện đối ứng tổ chức Inkota: 249.045.000 đồng.

+ Kinh phí thực hiện đối ứng tổ chức Inkota tại xã Mường Kim: 108.045.000 đồng.

+ Kinh phí thực hiện đối ứng tổ chức Inkota tại xã Pha Mu: 141.000.000 đồng.

- Kinh phí tổ chức hội thi nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ "Tổ liên gia an toàn phòng cháy, chữa cháy" huyện Than Uyên năm 2024: 193.000.000 đồng

- Kinh phí tổ chức hội thi bóng chuyền hơi Hội Người cao tuổi: 20.000.000 đồng.

- Kinh phí thực hiện kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật, thủy sản năm 2024: 1.200.000.000 đồng.

(Chi tiết tại phụ biểu số 01 kèm theo)

2. Điều chỉnh (tăng, giảm) dự toán kinh phí của cơ quan, đơn vị, UBND cấp xã 429.000.000 đồng. Trong đó:

2.1. Kinh phí điều chỉnh giảm dự toán đơn vị Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông; Văn phòng HĐND và UBND số tiền: 429.000.000 đồng.

2.2. Kinh phí điều chỉnh tăng dự toán khối xã: 230.000.000 đồng.

2.3. Kinh phí điều chỉnh tăng dự toán ngân sách huyện: 199.000.000 đồng.

(Chi tiết tại phụ biểu số 05 kèm theo)

2.4. Nguồn kinh phí được giao tại Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của HĐND huyện Than Uyên về việc phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2024.

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Than Uyên khóa XXI, kỳ họp thứ mười bảy thông qua ngày 08 tháng 5 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND, UBND tỉnh
- Sở KH&ĐT
- Sở Tài chính
- TT. Huyện ủy
- TT. HĐND huyện
- Lãnh đạo UBND huyện;
- UBMTTQ VN huyện;
- Các Ban HĐND, Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đoàn thể huyện;
- HĐND, UBND thị trấn;
- Lưu: VT, TCKH

} b/c;

CHỦ TỊCH



Lò Văn Hương

BIỂU TỔNG HỢP PHÂN BỐ, BỔ SUNG KINH PHÍ NĂM 2024(Kèm theo Nghị quyết số HL/NQ-HĐND ngày 08/5/2024 của HĐND huyện Than Uyên)

Đơn vị tính: Đồng

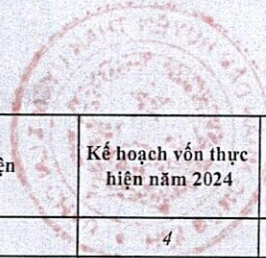
STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Tổng số	<u>43.904.582.000</u>	
I	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia	<u>40.734.000.000</u>	
1	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	30.398.000.000	Chi tiết tại Biểu số 02
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	10.336.000.000	Chi tiết tại Biểu số 03
II	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách năm 2024	<u>1.308.537.000</u>	
	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ đợt 1 năm 2024	1.308.537.000	Chi tiết tại Biểu số 04
III	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh	<u>1.862.045.000</u>	
1	Kinh phí Đại hội thi đua quyết thắng Lực lượng vũ trang huyện Than Uyên 2019 - 2024	200.000.000	
2	Kinh phí thực hiện đối ứng Inkota xã Mường Kim	108.045.000	
3	Kinh phí thực hiện đối ứng Inkota xã Pha Mu	141.000.000	
4	Kinh phí tổ chức hội thi nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ "Tổ liên gia an toàn phòng cháy, chữa cháy" huyện Than Uyên năm 2024	193.000.000	
5	Kinh phí tổ chức hội thi bóng chuyền hơi Hội Người cao tuổi	20.000.000	
6	Kinh phí thực hiện Kế hoạch phòng chống dịch bệnh động vật, thú y sản năm 2024	1.200.000.000	

PHÂN BỐ CHI TIẾT NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 08/5/2024 của HĐND huyện Than Uyên)

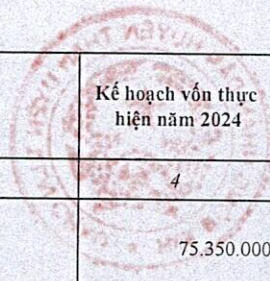
Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung thực hiện	Quy mô, địa điểm thực hiện	Kế hoạch vốn thực hiện năm 2024	Đơn vị thực hiện (chủ đầu tư)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	Tổng cộng		30.398.000.000		
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh		2.089.000.000		
1	Nội dung 3: Hỗ trợ chuyển đổi nghề	Máy cày, bừa tại 9 xã (Pha Mu, Tà Hừa, Mường Than, Mường Mít, Tà Mung, Phúc Than; Mường Cang, Ta Gia, Khoen On)	550.000.000	Phòng Dân tộc	
2	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán		1.539.000.000	Phân bổ chi tiết sau	
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết		19.000.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hoá theo chuỗi giá trị		14.924.000.000		
1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng: Hợp đồng và tổ chức ký cam kết bảo vệ rừng với 91 bản, khu dân cư đại diện cho 10.042 hộ gia đình với diện tích 10.348,38 ha của 11 xã và 01 thị trấn; Hỗ trợ trồng rừng sản xuất (cây quế, cây gỗ lớn): 64,45 ha (Pha Mu 18,92 ha, Tà Hừa 29,71 ha, Khoen On 19,95 ha, Tà Mung 4,9 ha); Trợ cấp gạo: Xã Khoen On, Tà Mung, Tà Hừa, Pha Mu	13.309.000.000	Ban Quản lý rừng phòng hộ	
2	Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Mơ vàng theo hướng hữu cơ tại huyện Than Uyên quy mô khoảng 15,7 ha tại xã Tà Mung, Mường Kim và các xã lân cận; Hỗ trợ phân bón năm thứ hai Dự án Liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Mơ vàng theo hướng hữu cơ với quy mô khoảng 25,7 ha tại xã Tà Mung	1.615.000.000	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	
IV	Dự án 4-Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		2.384.000.000		
1	Duy tu, bảo dưỡng đường nội bản Tà Mung, xã Tà Mung	Đổ bê tông mặt đường dài khoảng 250m, và các hạng mục phụ trợ khác trên tuyến phục vụ nhu cầu đi lại thuận lợi cho 49 hộ dân bản Tà Mung.	154.000.000	UBND xã Tà Mung	
2	Duy tu, bảo dưỡng đường nội bản Lun 2, xã Tà Mung	Đổ bê tông mặt đường dài khoảng 220m, và các hạng mục phụ trợ khác trên tuyến phục vụ nhu cầu đi lại thuận lợi cho 86 hộ dân bản Lun 2.	176.000.000		
3	Duy tu, bảo dưỡng đường nội bản Huổi Bắc, xã Pha Mu	Đổ bê tông đoạn đường đã xuống cấp từ ngã ba vườn nhà ông Lò Văn Xuân đến ngã ba nhà ông Hờ A Vàng; Dài khoảng 250m, phục vụ nhu cầu đi lại của 81 hộ dân bản Chít và bản Huổi Bắc	320.000.000		UBND xã Pha Mu



STT	Nội dung thực hiện	Quy mô, địa điểm thực hiện	Kế hoạch vốn thực hiện năm 2024	Đơn vị thực hiện (chủ đầu tư)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
4	Duy tu, bảo dưỡng đường giao thông nội bản Cấp Na 2 (Gồm 02 đoạn: Đoạn vào nhà văn hóa khoảng 50m, Đoạn vào nhà ông Lù Văn Khánh khoảng 100m)	Duy tu bảo dưỡng đổ bê tông xi măng đường dài khoảng 150m và các hạng mục phụ trợ phục vụ cho 126 hộ	200.000.000	UBND xã Tả Hừa	
5	Duy tu, bảo dưỡng đường giao thông nội bản Noong Ô và hệ thống rãnh dọc đường nội bản.	Duy tu bảo dưỡng nâng cos rãnh bị trùng võng, đổ bê tông xi măng rãnh dọc hình thang (50x50)cm dài khoảng 100m, Phục vụ 41 hộ dân	130.000.000		
6	Duy tu, bảo dưỡng đường nội bản Sàng, xã Khoen On	Đổ bê tông mặt đường dài khoảng 150m, các công rãnh thoát nước, đắp mặt bê tông rãnh và lắp đặt các biển báo, bổ sung lắp đặt điện chiếu sáng	332.000.000	UBND xã Khoen On	
7	Duy tu, bảo dưỡng đường nội bản bản Đắc(Đoạn từ nhà ông Vi Văn Chạo đến nhà ông Nguyễn Văn Mẹo)	Duy tu, bảo dưỡng đường nội bản chiều dài khoảng 64m và các công trình phụ trợ trên tuyến	63.000.000	UBND xã Hua Nà	
8	Duy tu, bảo dưỡng tuyến đường lên bản Huổi Hảm	Duy tu, bảo dưỡng nền đường, chiều dài khoảng 500m và các hạng mục phụ trợ	190.000.000	UBND xã Mường Cang	
9	Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa đường nội bản Hua Than	Đổ lại mặt đường bằng bê tông xi măng, một số chỗ và sửa chữa 1 số hạng mục trên tuyến, phục vụ đi lại cho hơn 100 hộ dân trong và ngoài bản	46.000.000	UBND xã Mường Than	
10	Duy tu, bảo dưỡng đường giao thông nông thôn bản Ên Nội	Đổ lại mặt đường bằng bê tông xi măng một số chỗ và sửa chữa 1 số hạng mục trên tuyến, phục vụ đi lại cho hơn 400 hộ dân trong và ngoài bản	80.000.000		
11	Duy tu, bảo dưỡng đường giao thông nội bản Nà É	Duy tu sửa chữa khoảng 100m mặt đường đường bê tông xi măng, hệ thống rãnh thoát nước, công thoát nước (phục vụ 163 hộ dân)	125.000.000	UBND xã Mường Kim	
12	Duy tu bảo dưỡng đường giao thông nội bản Khiết	Duy tu sửa chữa 100m mặt đường bê tông xi măng, hệ thống rãnh thoát nước, công thoát nước (phục vụ 77 hộ dân dân)	125.000.000		
13	Duy tu, bảo dưỡng đường nội bản Noong Thăng	Duy tu, bảo dưỡng mặt đường, chiều dài khoảng 300m, (phục vụ đi lại cho 35 hộ gia đình)	100.000.000	UBND xã Phúc Than	
14	Duy tu, bảo dưỡng nhà văn hoá bản Sam Sầu	Sửa chữa khoảng 160m ² (mái tôn, trần, tường bao, cửa, công, hệ thống điện, công trình phụ trợ,(phục vụ cho 136 hộ dân)	153.000.000		
15	Duy tu, sửa chữa đường nội bản Hua Mỹ	Duy tu, sửa chữa đường chiều dài khoảng 130m, (12 hộ thụ hưởng) và một số hạng mục phụ trợ	190.000.000	UBND xã Ta Gia	
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		5.400.000.000		
1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDT nội trú, trường PTDT bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xoá mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Lớp xoá mù chữ cho 11 trường cấp tiểu học và Mua sắm trang thiết bị cho 7 trường cấp tiểu học, THCS	1.589.000.000	Phòng Giáo dục và Đào tạo	
2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	1.261.000.000	Phòng Nội vụ	

STT	Nội dung thực hiện	Quy mô, địa điểm thực hiện	Kế hoạch vốn thực hiện năm 2024	Đơn vị thực hiện (chủ đầu tư)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi		2.550.000.000		
3.1	Số hóa các chương trình, giáo trình, học liệu	Xây dựng các mô hình đào tạo nghề nông nghiệp; Phát triển, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy nghề; Phát triển chương trình giáo trình tài liệu giảng dạy	1.245.000.000	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - GDTX	
3.2	Sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình của Trung tâm GDNN-GDTX	Sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình của Trung tâm GDNN-GDTX	435.000.000	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - GDTX	
3.3	Tuyên truyền, tư vấn, hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài		250.000.000		
3.4	Hỗ trợ người lao động thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng lao động		600.000.000	Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội	
3.5	Kiểm tra giám sát		20.000.000		
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch		2.920.000.000		
1	Nội dung số 05: Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể	Tổ chức truyền dạy văn hoá phi vật thể nghệ thuật trình diễn văn hoá dân tộc Mông (01 lớp); dân tộc Thái (01 lớp)	319.050.000	Phòng Văn hoá - thông tin và Thông tin	
2	Nội dung số 09: Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống tại các thôn, bản vùng đồng bào DTTS&MN		1.280.950.000		
2.1	Đội văn nghệ bản Phiêng Cắm, xã Mường Cang	Bản Phiêng Cắm, xã Mường Cang	75.350.000		
2.2	Đội Văn nghệ bản Mường, xã Mường Than	Bản Mường, xã Mường Than	75.350.000		
2.3	Đội văn nghệ bản Lẩn Giăng, xã Mường Than	Bản Lẩn Giăng, xã Mường Than	75.350.000		
2.4	Đội văn nghệ bản Đán Tọ, xã Tà Mung	Bản Đán Tọ, xã Tà Mung	75.350.000		
2.5	Đội văn nghệ bản Hô Ta, xã Tà Mung	Bản Hô Ta, xã Tà Mung	75.350.000		
2.6	Đội văn nghệ bản Vè, xã Mường Mít	Bản Vè, xã Mường Mít	75.350.000		
2.7	Đội văn nghệ bản Bản Khoang, xã Mường Mít	Bản Bản Khoang, xã Mường Mít	75.350.000		
2.8	Đội văn nghệ bản Sang Ngà, xã Phúc Than	Bản Sang Ngà, xã Phúc Than	75.350.000		
2.9	Đội văn nghệ bản Là 1, xã Mường Kim	Bản Là 1, xã Mường Kim	75.350.000		



STT	Nội dung thực hiện	Quy mô, địa điểm thực hiện	Kế hoạch vốn thực hiện năm 2024	Đơn vị thực hiện (chủ đầu tư)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
2.10	Đội văn nghệ bản Là 2, xã Mường Kim	Bản Là 2, xã Mường Kim	75.350.000		
2.11	Đội văn nghệ bản Nà É, xã Mường Kim	Bản Nà É, xã Mường Kim	75.350.000		
2.12	Đội văn nghệ bản Noong Quang, xã Khoen On	Bản Noong Quang, xã Khoen On	75.350.000		
2.13	Đội văn nghệ bản Chăm Cáy, xã Hua Nà	Bản Chăm Cáy, xã Hua Nà	75.350.000		
2.14	Đội văn nghệ bản Khi, xã Tà Hừa	Bản Khi, xã Tà Hừa	75.350.000		
2.15	Đội văn nghệ bản Pu Cay, xã Pha Mu	Bản Pu Cay, xã Pha Mu	75.350.000		
2.16	Đội văn nghệ bản Khem, xã Ta Gia	Bản Khem, xã Ta Gia	75.350.000		
2.17	Đội văn nghệ bản Gia, xã Ta Gia	Bản Gia, xã Ta Gia	75.350.000		
3	Nội dung số 18: Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn bản vùng đồng bào DTTS&MN.		1.320.000.000		
3.1	Bản On 1 xã Khoen On		30.000.000	UBND xã Khoen On	
3.2	Bản Sàng xã Khoen On		30.000.000		
3.3	Bản Mớ xã Khoen On		30.000.000		
3.4	Bản Đốc xã Khoen On		30.000.000		
3.5	Bản Mùi 1 xã Khoen On		30.000.000		
3.6	Bản Mùi 2 xã Khoen On		30.000.000		
3.7	Bản Tà Lôm xã Khoen On		30.000.000		
3.8	Bản Chít xã Pha Mu		30.000.000	UBND xã Pha Mu	
3.9	Bản Pá Khôm xã Pha Mu		30.000.000		
3.10	Bản Pá Khoang xã Pha Mu		30.000.000		
3.11	Bản Khá xã Tà Mung		30.000.000	UBND xã Tà Mung	
3.12	Bản Xoong xã Tà Mung		30.000.000		
3.13	Bản Pá Liêng xã Tà Mung		30.000.000		
3.14	Bản Tà Mung xã Tà Mung		30.000.000		
3.15	Bản Tu San xã Tà Mung		30.000.000		
3.16	Bản Đán Tọ xã Tà Mung		30.000.000		
3.17	Bản Nậm Mớ xã Tà Mung		30.000.000		
3.18	Cấp Na 3 xã Tà Hừa		30.000.000	UBND xã Tà Hừa	
3.19	Bản Khi xã Tà Hừa		30.000.000		
3.20	Bản Nậm Sáng xã Phúc Than		30.000.000		
3.21	Bản Che Bó xã Phúc Than		30.000.000		
3.22	Bản Sắp Ngựa xã Phúc Than		30.000.000		

STT	Nội dung thực hiện	Quy mô, địa điểm thực hiện	Kế hoạch vốn thực hiện năm 2024	Đơn vị thực hiện (chủ đầu tư)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
3.23	Bản Nà Phát xã Phúc Than		30.000.000	UBND xã Phúc Than	
3.24	Bản Nà Xa xã Phúc Than		30.000.000		
3.25	Bản Noong Thăng xã Phúc Than		30.000.000		
3.26	Bản Đội 11 xã Phúc Than		30.000.000		
3.27	Bản Ít xã Mường Mít		30.000.000		
3.28	Bản Vè xã Mường Mít		30.000.000	UBND xã Mường Mít	
3.29	Bản Khoang xã Mường Mít		30.000.000		
3.30	Bản Mường xã Mường Mít		30.000.000		
3.31	Bản Luốt xã Mường Kim		30.000.000		
3.32	Bản Là 1 xã Mường Kim		30.000.000	UBND xã Mường Kim	
3.33	Bản Mường 2 xã Mường Kim		30.000.000		
3.34	Bản Chiềng Ban 2 xã Mường Kim		30.000.000		
3.35	Bản Nà Dân xã Mường Kim		30.000.000		
3.36	Bản Bàn Chát xã Mường Kim		30.000.000		
3.37	Bản Vi xã Mường Kim		30.000.000		
3.38	Bản Nà Hày xã Mường Kim		30.000.000	UBND xã Mường Kim	
3.39	Bản Nà Then xã Mường Kim		30.000.000		
3.40	Bản Bàn Hàng xã Mường Kim		30.000.000		
3.41	Bản Thảm Phé xã Mường Kim		30.000.000		
3.42	Bản Mỹ xã Ta Gia		30.000.000		
3.43	Bản Nam xã Ta Gia		30.000.000	UBND xã Ta Gia	
3.44	Bản Co Cai xã Ta Gia		30.000.000		
VI	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết các vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	Tuyên truyền, vận động xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới; Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm”; Đảm bảo tiếng nói; Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới	1.930.000.000		
	Tuyên truyền, vận động xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới; Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm”; Đảm bảo tiếng nói; Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới				
1	Hội Liên hiệp phụ nữ		685.670.000	Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện	
2	UBND xã Tà Hừa		155.230.000	UBND xã Tà Hừa	
3	UBND xã Pha Mu		144.500.000	UBND xã Pha Mu	
4	UBND xã Khoen On		193.600.000	UBND xã Khoen On	
5	UBND xã Tà Mung		180.500.000	UBND xã Tà Mung	
6	UBND xã Ta Gia		111.500.000	UBND xã Ta Gia	
7	UBND xã Mường Kim		124.400.000	UBND xã Mường Kim	
8	UBND xã Mường Cang		95.300.000	UBND xã Mường Cang	
9	UBND xã Mường Than		77.400.000	UBND xã Mường Than	
10	UBND xã Phúc Than		98.400.000	UBND xã Phúc Than	
11	UBND xã Hua Nà		63.500.000	UBND xã Hua Nà	



STT	Nội dung thực hiện	Quy mô, địa điểm thực hiện	Kế hoạch vốn thực hiện năm 2024	Đơn vị thực hiện (chủ đầu tư)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
VII	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn		251.000.000		
	Tiêu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Tăng cường các hoạt động tư vấn, can thiệp lồng ghép với các chương trình, dự án, mô hình chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số kế hoạch hóa gia đình, dinh dưỡng, phát triển thể chất có liên quan trong lĩnh vực hôn nhân nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; Duy trì và triển khai, nhân rộng mô hình tại các xã/trường có tỷ lệ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống cao; Kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Mô hình, Dự án và thực hiện các chính sách	251.000.000	Phòng Dân tộc	
VII	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình		481.000.000		
1	Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030		372.000.000		
1.1	Nội dung số 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín.	Biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến; Tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết, đánh giá hoạt động biểu dương, tôn vinh.	172.000.000	Phòng Dân tộc	
1.2	Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số.	Tổ chức các hội nghị tại 11 xã trên địa bàn huyện	200.000.000	Phòng Tư pháp	
2	Tiêu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện chương trình	Tổ chức hội nghị tập huấn nâng cao năng lực giám sát; cử cán bộ đi giám sát, đánh giá kết quả thực hiện của các xã	109.000.000	Phòng Dân tộc	



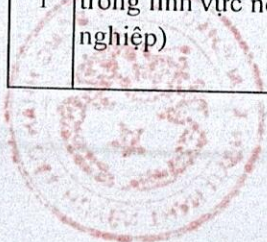
**BIỂU PHÂN BỐ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 08/5/2024 của HĐND huyện Than Uyên)

Biểu số 03

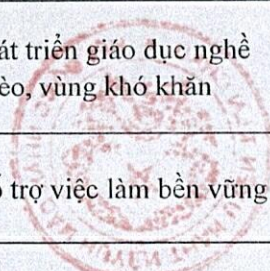
Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Quy mô, địa điểm thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2024	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
	Tổng cộng		10.336.000.000		
	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững		10.336.000.000		
I	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế nhân rộng mô hình giảm nghèo		4.689.000.000		
1	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, liên kết theo chuỗi giá trị chăn nuôi bò sinh sản	Hỗ trợ mua giống bò sinh sản tại các xã: Tà Hừa; Tà Mung; Khoen On	2.078.000.000	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	
2	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, liên kết theo chuỗi giá trị (trồng cây ăn quả)	Trồng khoảng 25 ha cây ăn quả tại một số xã: Khoen On, Tà Hừa, Tà Mung, Pha Mu và các xã lân cận	2.200.000.000	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	
3	Hỗ trợ phân bón năm thứ 2 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, liên kết theo chuỗi giá trị cây mít siêu sớm TL1	Hỗ trợ mua phân bón năm thứ hai thực hiện dự án liên kết chuỗi giá trị cây mít siêu sớm TL1 trên địa bàn huyện Than Uyên	411.000.000	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	
II	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng		2.898.000.000		
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp (máy nông nghiệp)	Hỗ trợ máy nông nghiệp tại các vùng I: Mường Than; Phúc Than; Mường Mít; Mường Cang; Hua Nà, Mường Kim; Ta Gia	1.955.000.000	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	





TT	Nội dung	Quy mô, địa điểm thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2024	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	Truyền thông trực tiếp tại thôn, bản trong tuần lễ Nuôi con bằng sữa mẹ; Tuần lễ Dinh dưỡng và phát triển; Ngày vì chất dinh dưỡng; Tập huấn về công tác tư vấn, hướng dẫn chăm sóc trong 1000 ngày đầu đời lồng ghép với chăm sóc trước sinh cho nhân viên y tế thôn bản; xây dựng khẩu phần ăn dành cho bà mẹ mang thai và nuôi con nhỏ, chăm sóc dinh dưỡng trẻ em; Tập huấn cho y tế trường học và giáo viên, cán bộ làm công tác dinh dưỡng tại trường học trong huyện về hướng dẫn xây dựng khẩu phần ăn, dinh dưỡng cho học sinh; Hội nghị chuyên đề về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng cho cán bộ y tế xã, nhân viên y tế thôn bản, y tế trường học, giáo viên, cán bộ giảm nghèo, cán bộ nông nghiệp, phụ nữ; Hỗ trợ cơ sở y tế lập hồ sơ, sổ theo dõi định kỳ, tư vấn tại cộng đồng (bao gồm cả hướng dẫn về tuân thủ điều trị; Khảo sát, đánh giá định kỳ, phân loại tình trạng dinh dưỡng và tư vấn chăm sóc sức khỏe); Cung cấp trang thiết bị đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em; Cung cấp sản phẩm dinh dưỡng/chế phẩm dinh dưỡng cho trẻ em suy dinh dưỡng	943.000.000	Văn phòng HĐND và UBND	
III	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp bền vững		1.953.000.000		
1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	Tổ chức đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có thu nhập thấp trên địa bàn huyện.	1.495.000.000	Trung tâm GDNN-GDTX	
2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	Thu thập phân tích, dự báo thị trường lao động.	458.000.000	Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội	



TT	Nội dung	Quy mô, địa điểm thực hiện	Kế hoạch vốn năm 2024	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
IV	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin		153.000.000		
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Than Uyên chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo; Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới; Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo	153.000.000	Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội	
V	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình		643.000.000		
1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	Tập huấn về công tác giảm nghèo cho cán bộ là Trường (Phó) thôn bản, chi hội trưởng phụ nữ, Đoàn Thanh niên 12 xã, thị trấn	450.000.000	Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội	
2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	Tổ chức kiểm tra, giám sát, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm	193.000.000		

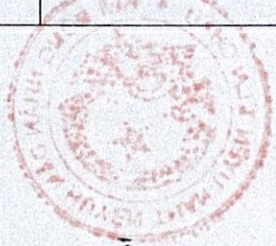


Biểu số 04

**BỔ SUNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2023/NĐ-CP
CỦA CHÍNH PHỦ (ĐỢT 1 NĂM 2024)**(Kèm theo Nghị quyết số *14* /NQ -HDND ngày 08/5/2024 của HDND huyện Than Uyên)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên đối tượng nghỉ	Đơn vị công tác	Tổng cộng	Kinh phí được sử dụng và bổ sung		Ghi chú
				Từ nguồn kinh phí bổ sung ngân sách cấp tỉnh	Sử dụng nguồn dự toán chi lương phụ cấp các khoản đóng góp, chi thường xuyên theo định mức đã được giao tại Quyết định số 4508/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	
1	2	3	4=5+6	5	6	7
TỔNG SỐ (8 người):			1.364.537.000	1.308.537.000	56.000.000	
1	Đào Đình Thảo	Ban Quản lý chợ Than Uyên	185.374.000	185.374.000		Nghỉ hưu trước tuổi theo khoản 2, Điều 5, Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023
2	Lê Thị Kim Ngân	Huyện ủy huyện Than Uyên	194.120.000	194.120.000		Nghỉ hưu trước tuổi theo khoản 2, Điều 5, Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023
3	Khuất Thị Thúy Nga	Hội LHPN huyện Than Uyên	148.159.000	148.159.000		Nghỉ hưu trước tuổi theo khoản 2, Điều 5, Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023
4	Hà Văn Sơn	Đảng ủy xã Phúc Than, huyện Than Uyên	140.705.000	140.705.000		Nghỉ hưu trước tuổi theo khoản 2, Điều 5, Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023
5	Mai Tiến Lực	UBND xã Mường Than, huyện Than Uyên	243.965.000	243.965.000		Nghỉ hưu trước tuổi theo khoản 2, Điều 5, Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023
6	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Than Uyên	128.764.000	112.764.000	16.000.000	Nghỉ thôi việc theo Khoản 1, Điều 7, Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023
7	Nguyễn Văn Vượng	Trưởng THCS xã Phúc Than, huyện Than Uyên	142.937.000	124.937.000	18.000.000	Nghỉ thôi việc theo Khoản 1, Điều 7, Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023
8	Hoàng Văn Thông	Đảng ủy xã Hua Nà, huyện Than Uyên	180.513.000	158.513.000	22.000.000	Nghỉ thôi việc theo Khoản 1, Điều 7, Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023





Biểu số 05

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NĂM 2024(Kèm theo Nghị quyết số *14* /NQ-HĐND ngày *18* /5/2024 của HĐND huyện Than Uyên)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Số đã giao năm 2023	Điều chỉnh		Số dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
			Giảm	Tăng		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=(1-2+3)</i>	<i>5</i>
	Tổng cộng	2.158.928.000	429.000.000	429.000.000	2.158.928.000	
I	Điều chỉnh dự toán giữa các đơn vị, xã	2.158.928.000	429.000.000	429.000.000	2.158.928.000	
1	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông	330.000.000	180.000.000		150.000.000	
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết, Đề án về phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp các dân tộc gắn với du lịch cộng đồng theo Nghị quyết số 02-NQ/HU, ngày 06/10/2020 của Huyện ủy	330.000.000	180.000.000		150.000.000	
2	UBND xã Phúc Than	-		60.000.000	60.000.000	
	Kinh phí hỗ trợ xây dựng cọn nước, tạo cảnh quan, xây dựng và hình thành 01 điểm ngắm cảnh tại Bản Sang Ngà			60.000.000	60.000.000	
3	UBND xã Ta Gia			120.000.000	120.000.000	
	Kinh phí hỗ trợ khảo sát và hỗ trợ 04 gia đình dân tộc Thái bản Củng làm Homestay			120.000.000	120.000.000	
4	Văn phòng HĐND và UBND + các cơ quan ban ngành của huyện	1.828.928.000	249.000.000	-	1.579.928.000	

Số TT	Nội dung	Số đã giao năm 2023	Điều chỉnh		Số dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
			Giảm	Tăng		
	Các nhiệm vụ phát sinh	1.828.928.000	249.000.000		1.579.928.000	
5	Công an huyện			100.000.000	100.000.000	
	Kinh phí thực hiện công tác xác định tình trạng cai nghiện đối với người sử dụng trái phép chất ma túy trên địa bàn huyện			100.000.000	100.000.000	
6	UBND xã Tà Mung	-	-	50.000.000	50.000.000	-
	Kinh phí lễ hội Gầu Tào			50.000.000	50.000.000	
7	Văn phòng HĐND và UBND			99.000.000	99.000.000	
	Kinh phí thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô biển kiểm soát 25C-6699			99.000.000	99.000.000	

Bảng chữ: (Bốn trăm hai mươi chín triệu đồng)

